

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/DS-ST

Ngày 01-12-2021

“V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:
Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp GP, xã THĐ, huyện CN, tỉnh CM

- Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã HM, huyện CNc, tỉnh Cà Mau

Chị Nguyễn Mộng D, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp GP, xã THĐ, huyện CN, tỉnh CM

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tăng Văn C, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã HM, huyện CNc, tỉnh Cà Mau

Bà Lưu Thị Nh, sinh năm 1971 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 22/4/2020 âm lịch (tháng 4 trước) bà Lê Thị Đ có đến nhà ông hỏi vay số tiền 35.000.000 đồng, đến ngày 16/4/2020 âm lịch (tháng 4 sau) bà Đ tiếp tục hỏi vay thêm 30.000.000 đồng, khi vay thì không có làm biên nhận, đối với số tiền trên thì bà Đ đã đóng lãi cho ông đầy đủ nhưng không trả vốn. Đến ngày 17/5/2020 chị D có hỏi vay của ông số tiền 20.000.000 đồng để cho bà Đ mượn, khi đó giữa ông và bà Đ, chị D có làm Giấy cam kết, bà Đ và chị D nợ ông số tiền 85.000.000 đồng, trong đó bà Đ nợ ông số tiền 65.000.000 đồng, chị D nợ ông số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi làm giấy cam kết bà Đ hứa đến ngày 15/6/2020 trả cho ông 40.000.000 đồng nhưng không thực hiện và cứ hẹn. Khi vay tiền thì bà Đ nói để bao hui cho hui viên vì bà Đ làm chủ hui ở địa phương. Từ khi kết nợ với bà Đ và cho chị D vay tiền thì chị D và bà Đ không có đóng lãi cho ông, số tiền ông cho bà Đ và chị D vay là tài sản chung của ông và bà Nh. Do đó, ông yêu cầu bà Lê Thị Đ cùng chồng là ông Tăng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và vợ ông là bà Lưu Thị Nh số tiền 65.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu chị Nguyễn Mộng D trả cho ông và bà Nh số tiền vay 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 16/7/2021 chị Nguyễn Mộng D đã trả cho ông và bà Nh 20.000.000 đồng, do đó ông và bà Nh rút lại yêu cầu đối với chị D.

Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 10 năm 2020 và ngày 06 tháng 7 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Trước đây bà có hỏi vay tiền của ông L nhiều lần tính đến ngày 17/5/2020 bà còn nợ ông L số tiền 65.000.000 đồng. Đến ngày 17/5/2020 âm lịch bà có hỏi vay thêm 20.000.000 đồng, chị D đứng ra bảo lãnh cho bà, chị D có viết giấy cam kết cho ông L, bà và chị D cùng ký tên vào giấy cam kết. Từ khi kết nợ vào ngày 17/5/2020 âm lịch thì bà có đóng lãi cho ông L 02 lần nhưng không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu, không có làm biên nhận cũng không có ai chứng kiến, đối với số tiền này bà không yêu cầu đối trừ vì ông L không yêu cầu tính lãi.

Bà vay tiền của ông L để bao hui cho hui viên và vay giùm cho người khác, hoa hồng nhận được từ các hui viên bà dùng để chi xài trong gia đình. Đối với số

tiền bà vay của ông L thì chồng bà là ông Tăng Văn C không biết. Nay bà đồng ý trả cho ông L số tiền nợ 65.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 20 tháng 10 năm 2020 trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Mộng D trình bày:

Chị đồng ý với lời trình bày của ông L, chị đồng ý trả cho ông L số tiền nợ 20.000.000 đồng. Nhưng đối với số tiền chị thiếu ông L là tiền chị bảo lãnh cho bà Đ chứ không phải chị vay tiền cho bà Đ mượn.

Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 7 năm 2021 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Nh trình bày:

Đối với số tiền ông L cho bà Đ và chị D vay là tiền chung của bà và ông L, khi cho bà Đ và chị D vay tiền thì bà có biết, nhưng bà để cho ông L đứng ra cho vay, mọi việc do ông L quyết định. Bà thống nhất toàn bộ với lời trình bày của ông L.

Nay bà yêu cầu bà Đ và ông C liên đới trả cho bà và ông L số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà rút lại yêu cầu đối với chị D vì chị D đã trả cho bà và ông L 20.000.000 đồng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Tăng Văn C, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã triệu tập ông C, bà Đ, chị D để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông C, bà Đ và chị D vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh về việc yêu cầu chị Nguyễn Mộng D trả số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh đối với bà Lê Thị Đ và ông Tăng Văn C. Buộc bà Lê Thị Đ và ông Tăng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Thị Đ và ông Tăng Văn C phải chịu theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L với bị đơn bà Lê Thị Đ và chị Nguyễn Mộng D là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Đ và chị D có địa chỉ tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án đã triệu tập ông Tăng Văn C, bà Lê Thị Đ và chị Nguyễn Mộng D hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông C, bà Đ và chị D vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với ông C, bà Đ và chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Mộng D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 16/7/2021 ông L và bà Nh có đơn xin rút lại yêu cầu đối với chị D vì chị D đã thanh toán xong số tiền nợ cho ông L và bà Nh. Xét thấy việc rút lại yêu cầu của ông L và bà Nh là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của ông L và bà Nh về việc yêu cầu chị D trả số tiền 20.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông L và bà Nh buộc bà Đ và ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 65.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông L có cung cấp cho Tòa án “Giấy cam kết” đề ngày 17 tháng 5 năm 2020 âm lịch với nội dung “*Bà Lê Thị Đ cùng tôi là Nguyễn Mộng D có tới nhà anh Nguyễn Văn L có mượn số tiền là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng)*”. Tại các biên bản hòa giải và biên bản làm việc của Toà án nhân dân huyện Cái Nước bà Đ đều thừa nhận có vay của ông L số tiền 65.000.000 đồng, chữ ký trong “Giấy cam kết” đề ngày 17 tháng 5 năm 2020 âm lịch là của bà Đ. Đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội

đồng xét xử xét thấy việc bà Đ vay của ông L và bà Nh số tiền 65.000.000 đồng là thực tế có xảy ra.

Đối với yêu cầu của ông L và bà Nh về việc yêu cầu ông C cùng có nghĩa vụ liên đới với bà Đ trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản làm việc của Toà án nhân dân huyện Cái Nước vào ngày 02/12/2020 với ông Tăng Văn C thì ông C không đồng ý liên đới cùng với bà Đ trả nợ vì ông C không biết bà Đ vay tiền của ông L, đến khi bà Đ không có khả năng trả nợ thì ông C mới biết. Bà Đ trình bày khi vay tiền thì ông C không biết, mục đích bà Đ vay tiền là để bao hui cho các hui viên và vay giùm bà Phạm Thị H, bà Đỗ Thị T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Ph. Tòa án tiến hành xác minh đối với bà H, bà T, bà L và bà Ph, tuy nhiên đối với bà L và bà Ph không còn ở địa phương nên không tiến hành làm việc được. Tại biên bản làm việc của Toà án nhân dân huyện Cái Nước với bà Phạm Thị H và bà Nguyễn Thị L vào ngày 08/7/2021, bà H và bà L đều cho biết trước đây có vay tiền của bà Đ nhưng không biết tiền đó từ đâu bà Đ có, bà H và bà L không có nhờ bà Đ hỏi vay tiền của ông L. Do đó, không có đủ cơ sở để chứng minh bà Đ vay tiền của ông L giùm cho bà H, bà T, bà L và bà Ph. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ trình bày số tiền hoa hồng từ việc làm chủ hui bà Đ sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, trong gia đình bà Đ là người quản lý tài chính, mọi việc trong gia đình từ ăn uống, sinh hoạt đều do một mình bà Đ lo chi phí. Vì vậy, việc ông L và bà Nh yêu cầu buộc ông C và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn 65.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi cho vay: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Đ và ông C là người cao tuổi nhưng không có đơn yêu cầu miễn tiền án phí do đó số tiền án phí ông C, bà Đ phải chịu là 3.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh về việc yêu cầu chị Nguyễn Mộng D trả số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh đối với bà Lê Thị Đ và ông Tăng Văn C.

Buộc bà Lê Thị Đ và ông Tăng Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông L và bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, bà Đ và ông C không thi hành khoản tiền nêu trên thì bà Đ và ông C phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Thị Đ và ông Tăng Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông L có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005732 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Nguyễn Văn L, bà Lưu Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Đ, ông Tăng Văn C và chị Nguyễn Mộng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ